TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày: 27-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Đơn

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2024/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình M, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1989 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Tổ N, Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/12/2023, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) B xử phạt 02 năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; bị bắt, tạm giam ngày 14/11/2023; có mặt.

2. Võ Lê Trọng P, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1999 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn V và bà Lê Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 14/11/2023; có mặt.

3. Trương Văn A, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2001 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Số 39, đường D, Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H và bà Huỳnh Thị R; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 14/11/2023; có mặt.

4. Kiều Hiếu T, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1997 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tại tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Tấn B và bà Nguyễn Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 14/11/2023; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Đồng Thị Hồng H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 4, Khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Vi Kỳ H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình M, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A và Kiều Hiếu T quen biết nhau và đều sử dụng ma túy; Kiều Hiếu T làm việc cho M và ở tại nhà của M.

Khoảng 22 giờ ngày 13/11/2023, A đến nhà trọ của P chơi; trong lúc nói chuyện, An và Phúc đều muốn sử dụng ma túy, nhưng không có, P nói với A đến nhà của M xin ma túy sử dụng. Sau đó, P và A đến nhà của M; khi đến nơi, A và P đi vào căn chòi bên hông nhà thấy T đang ngủ nên gọi T, T thức dậy hỏi P đi đâu, P nói đến xin ma túy, T nói không có. Lúc này, M đang ngủ trong phòng nghe tiếng động nên đi ra, P hỏi M còn ma túy không cho P và A xin, M trả lời không còn. Sau đó, M nói với P muốn sử dụng thì đi mua; M hỏi P còn tiền không, P nói không còn, M nói đi mua về sử dụng thì T, A và P đồng ý đi mua ma túy cùng với M.

Sau đó, M điều khiển xe ôtô hiệu Mazda CX-5, biển số 61A-531.81 chở P, A và T đi mua ma túy; trước khi lên xe, M gọi đến số thuê bao 0364.262.674 của người tên T hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, T đồng ý và hẹn giao ma túy tại khu vực gần quán Karaoke L thuộc phường T, thành phố Thuận An. Tiếp đó, M điều khiển xe chở cả nhóm đến điểm hẹn và đậu xe cách quán Karaoke L khoảng 100 mét chờ T. Khoảng 10 phút sau, T đến đưa cho M 01 túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy, còn M đưa cho T số tiền 500.000 đồng và lấy gói ma túy bỏ vào túi quần của M.

Sau khi mua được ma túy, M điều khiển xe chở P, A và T quay về nhà của M để sử dụng; khi cả nhóm đi đến đường P, thuộc Khu phố 7, phường H, thành phố Thủ Dầu Một thì bị lực lượng Công an thành phố Thủ Dầu Một yêu cầu dừng xe để kiểm tra; lúc này, M lấy gói ma túy trong túi quần của M giấu vào nơi chứa đồ của xe, nhưng bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện; qua làm việc, M, T, P và A cùng khai nhận tinh thể màu trắng trong túi nylon là ma túy đá; Tổ tuần tra tiến hành bàn giao M, P, A và T cùng vật chứng cho Công an phường H xử lý; Công an phường H lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M, P, A và T; thu giữ vật chứng gồm: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng; 01 xe ôtô hiệu Mazda CX5, biển số 61A-531.81 và 01 điện thoại di động hiệu Redmi, gắn sim số thuê bao 0364.262.674. Sau đó, sự việc được

chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 623/KL-KTHS (MT) ngày 20/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Tinh thể màu trắng trong 01 túi nylon miệng kéo dính đựng trong 01 bì thư được niêm phong có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Đình M, Kiều Hiếu T, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A; chữ ký của người chứng kiến Vi Kỳ H; chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Văn T và hình dấu đỏ của Công an phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,9636 gam.

Quá trình điều tra xác định: Xe ôtô hiệu Mazda CX5, biển số 61A-531.81 là tài sản chung của Nguyễn Đình M và vợ là bà Đồng Thị Hồng H. Đối với người tên T bán ma túy cho M chưa xác định được nhân thân, lai lịch.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một gồm: Khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định 1,9261 gam, loại Methamphetamine; chiếc xe ôtô hiệu Mazda CX5 2.5G, màu xanh, biển số 61A-531.81 và chiếc điện thoại di động hiệu Redmi.

Tại Cáo trạng số 108/CT-VKSTDM ngày 08/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đình M, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A và Kiều Hiếu T để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Lê Trọng P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn A từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kiều Hiếu T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đề nghị. Bà Đồng Thị Hồng H không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Đình M nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để sớm trở về nuôi con và cha già.

Bị cáo Võ Lê Trọng P nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Trương Văn A nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Kiều Hiếu T nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng giảm nhẹ cho bị cáo để sớm trở về với gia đình làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định khối lượng mẫu vật, loại chất ma túy và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 14/11/2023, Nguyễn Đình M, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A và Kiều Hiếu T đã có hành vi cùng đi mua ma túy có khối lượng 1,9636 gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích đem về nhà của M để sử dụng, khi trên về đến đường P, thuộc qua Khu phố 7, phường H, thành phố Thủ Dầu Một thì bị bắt quả tang. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Đình M, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A và Kiều Hiếu T để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức: Các bị cáo biết hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì mục đích cá nhân nên bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo M là người đề xuất và chở các bị cáo còn lại đi mua ma túy, nên bị cáo M có vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo P, A và T cùng bàn bạc và đi mua ma túy với M về sử dụng, nên bị cáo P, A và T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo M; trong đó, bị cáo P, A và T có vai trò ngang nhau.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Loại ma túy mà các bị cáo tàng trữ để sử dụng là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, tệ nạn sử dụng ma túy đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội,

trong khi Nhà nước không ngừng tuyên truyền, vận động toàn xã hội đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy thì vẫn còn những người vì mục đích cá nhân vẫn tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy …, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời, để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng; tuy nhiên, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng, đúng pháp luật.

[9] Đối với người tên T bán ma túy cho các bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe ôtô hiệu Mazda CX5 2.5G, màu xanh, biển số 61A-531.81 là tài sản chung của bị cáo M và vợ là Đồng Thị Hồng H, khi M lấy xe đi mua ma túy bà H không biết; sau khi mua ma túy M bỏ trong túi quần của M, khi gặp lực lượng Công an M mới lấy ra bỏ vào nơi chứa đồ dùng của xe, nên cần trả xe lại cho bị cáo M và bà H. Đối với số ma túy hoàn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy và trả lại cho bị cáo M điện thoại đã thu giữ.

[11] Về tổng hợp hình phạt: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2024/HSST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã xử bị cáo M 02 năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên cần tổng hợp để buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, Điều 290, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình M, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A và Kiều Hiếu T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2024/HSST ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Nguyễn Đình M phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2023, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2023 đến ngày 13/3/2023.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Lê Trọng P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2023.

2.3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Văn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2023.

2.4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Kiều Hiếu T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình M và bà Đồng Thị Hồng H chiếc xe ôtô đã qua sử dụng nhãn hiệu Mazda CX5 2.5G, màu xanh, biển số 61A-531.81, số khung: 5326JC095681, số máy: PY30820643 có cửa bên trái bị trầy nhiều được dán giấy niêm phong có hình dấu tròn đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có chữ ký của Nguyễn Nam P, Lưu Thị Huyền N, Nguyễn Lương N, Nguyễn Văn T (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình M 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Redmi, không kiểm tra được số Imei và số thuê bao do không mở máy lên được (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bì thư được niêm phong ghi số 623/PC09 có chữ ký của người bị bắt: Nguyễn Đình M, Kiều Hiếu T, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A, cán bộ giao mẫu Trần Hoàng H, cán bộ nhận mẫu Trần T; đóng dấu tròn đỏ của Công an phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo Kết luận giám định số 623//KL-KTHS (MT) ngày 20/11/2023 và Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 20/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương thì bên trong có khối lượng mẫu vật sau giám định: M1 = 1,9261 gam ma túy, loại Methamphetamine.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 112.24 ngày 03/5/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Đình M, Võ Lê Trọng P, Trương Văn A và Kiều Hiếu T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường